TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày: 10-7-2020.
Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám – Cán bộ hưu trí;

2. Bà Lý Thị Bé Năm – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.*

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23A/2020/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 30/02/2018 (âm lịch), bà Lê Thị Đ có vay của bà số tiền là 25.000.000 đồng. Ngày 20/3/2018 (âm lịch) bà Đ vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Bà Đ có ghi biên nhận. Bà có đến nhà bà Đ nhiều lần để đòi lại lại số tiền nhưng bà Đ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả.

Bà B yêu cầu giải quyết: Buộc bà Lê Thị Đ phải trả lại cho bà số tiền là 35.000.000 đồng.

* Bị đơn, bà Lê Thị Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền vay bà B khởi kiện.

* Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà Lê Thị Đ trả cho bà số tiền 35.000.000 đồng và xác định cho bà Đ vay tiền không có lãi, thỏa thuận miệng thời gian trả là 02 tháng nhưng bà Đ không trả, bà đòi tiền thì bà Đ hẹn lần nhưng không thực hiện.

- Bà Lê Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên xem như bà từ bỏ quyền tham gia phiên tòa và quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ.

[2]. Quan hệ vay tài sản giữa các bên xác lập vào tháng 02/2018 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3]. Xem xét tài liệu, chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn:

Thấy rằng: Bà Nguyễn Thị B đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa bà và bà Lê Thị Đ có thiết lập quan hệ hợp đồng vay gồm 01 Biên nhận có nội dung thể hiện bà Lê Thị Đ nhận vay của bà B số tiền 35.000.000 đồng vào các ngày 30/02/2018 và 20/3/2018, biên nhận có chữ ký và chữ viết của Lê Thị Đ phía bên dưới "người mượn" và chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị B bên dưới "người cho mượn".

Tòa án đã giao hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà Lê thị Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị B cung cấp xác định: thực tế bà Lê Thị Đ có nhận vay của bà Nguyễn Thị B số tiền 35.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bà B có yêu cầu đòi lại là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự nên bà B khởi kiện đòi bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà Đ phải trả nợ vay cho bà B số tiền là 35.000.000 đồng.

[4]. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đ là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà B theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Lê Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đ phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 0510 ngày 23/3/2020.

3. Quyền kháng cáo:

Bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng: B, Đ;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT